

**THÔNG BÁO**  
**Về việc nộp hồ sơ trợ cấp xã hội**  
**Học kỳ 1, năm học 2022-2023**

Căn cứ Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/ BGD&ĐT-BTC-BLĐTB&XH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

Nhà trường thông báo việc nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp xã hội đối với sinh viên hệ chính quy học kỳ 1 năm học 2022 - 2023 như sau:

**I. Đối tượng và phạm vi áp dụng trợ cấp xã hội:**

- 1. Đối tượng 1:** Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao liên tục sống ở vùng cao hoặc có hộ khẩu thường trú ở vùng cao ít nhất 3 năm trở lên (tính từ thời điểm vào học tại trường). Các xã là vùng cao được công nhận tại các quyết định sau của Ủy ban Dân tộc:

- + Quyết định số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993,
- + Quyết định số 33/UB-QĐ ngày 4/6/1993,
- + Quyết định số 08/UB-QĐ ngày 4/3/1994,

- + Quyết định số 64/UB-QĐ ngày 26/8/1995,
- + Quyết định số 42/UB-QĐ ngày 23/05/1997,
- + Quyết định số 68/UBQĐ ngày 09/08/1997,
- + Quyết định số 26/1998/QĐ-UB ngày 18/03/1998,
- + Quyết định số 363/2005/QĐ-UBDT ngày 15/08/2005,
- + Quyết định số 172/2006/QĐ-UBDT ngày 07/07/2006,
- + Quyết định số 01/2007/QĐ-UBDT ngày 31/5/2007,
- + Quyết định số 61/QĐ-UBDT ngày 12/03/2009.

2. **Đối tượng 2:** Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa. Đây là những người không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.
3. **Đối tượng 3:** Sinh viên là người tàn tật theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền xác định.
4. **Đối tượng 4:** Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo

## II. Trình tự, thủ tục hồ sơ:

**Đối tượng 1:** Sinh viên là người dân tộc ít người vùng cao.

### Hồ sơ:

- Đơn xin nhận TCXH (mẫu 01-TCXH) có xác nhận của CVHT;
- Giấy khai sinh hoặc giấy kết hôn của cha mẹ (nếu giấy khai sinh bị thất lạc) hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân của sinh viên;
- Giấy chứng nhận của địa phương về thời gian cư trú của SV (mẫu 03-TCXH);
- Bản sao sổ hộ khẩu.

**Đối tượng 2:** Sinh viên là người mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa:

### Hồ sơ:

- Đơn xin nhận TCXH (mẫu 01-TCXH) có xác nhận của CVHT;
- Giấy khai sinh;
- Bản sao giấy chứng tử của cha và mẹ do UBND cấp xã cấp;

- Giấy xác nhận mồ côi không người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên của cơ quan thương binh xã hội cấp quận, huyện, thị xã trên cơ sở đề nghị của phường, xã nơi sinh viên cư trú;
- Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội của chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện.

**Đối tượng 3: Sinh viên là người tàn tật, bị suy giảm khả năng lao động từ 41% trở lên** do tàn tật được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền xác định.

**Hồ sơ:**

- Đơn xin nhận TCXH (mẫu 01-TCXH) có xác nhận của CVHT;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân;
- Giấy xác nhận của UBND cấp xã về hoàn cảnh kinh tế khó khăn;
- Giấy chứng nhận sinh viên bị khuyết tật của Hội đồng Giám định Y khoa có nêu rõ tỉ lệ bị suy giảm khả năng lao động.

**Đối tượng 4: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập là những người mà gia đình của họ thuộc diện hộ nghèo. Điểm học tập học kỳ 2  $\geq 7.0$ , Điểm rèn luyện học kỳ 2  $> 70$ .**

**Hồ sơ:**

- Đơn xin nhận TCXH (mẫu 01-TCXH) có xác nhận của CVHT;
- Bản sao Sổ hộ nghèo hoặc Giấy chứng nhận sinh viên thuộc hộ nghèo năm 2022 do UBND cấp xã xác nhận theo mẫu (Mẫu 02-TCXH);
- Bảng điểm học tập học kỳ chính trước đó và giấy xác nhận điểm rèn luyện hoặc bản sao học bạ THPT (đối với sinh viên năm nhất).

**III. Quy định về trợ cấp xã hội:**

- Việc xét trợ cấp xã hội cho sinh viên được thực hiện tại trường nơi sinh viên đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện trợ cấp xã hội cho sinh viên thuộc đối tượng quy định và được cấp 12 tháng/năm (6 tháng/HK).
- Tất cả các đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội chỉ làm hồ sơ một lần trong suốt khóa học, sinh viên chỉ làm lại hồ sơ khi có thay đổi về đối tượng, phạm vi áp dụng. Riêng **đối tượng 4** phải nộp hồ sơ mới theo từng học kỳ.

**IV. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ (kể cả nộp bổ sung):**

- Thời gian: từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 30 ngày 19/9/2022.
- Địa điểm: Phòng Công tác Sinh viên (Phòng A.101).

**V. Những lưu ý:**

- Các bản sao y phải có chứng thực hợp lệ.
- Sinh viên tham khảo các quyết định quy định vùng cao được công nhận tại các quyết định sau của Ủy ban Dân tộc tại web: <http://ctsv.uit.edu.vn>
- Mẫu đơn sinh viên tải tại web: <http://ctsv.uit.edu.vn>
- Sinh viên các đối tượng 1,2 và 3 đã có danh sách Quyết định trợ cấp xã hội từ năm học: 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022 thì không phải làm lại hồ sơ xét trợ cấp xã hội (sinh viên xem tại website <http://ctsv.uit.edu.vn>). Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ hồ sơ và đúng thời hạn qui định để đảm bảo quyền lợi của mình./.

***Nơi nhận:***

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KHTC (phối hợp thực hiện);
- Cố vấn học tập (thông báo);
- Sinh viên (thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Tấn Trần Minh Khang**